

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 8 - 2017

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Nhật

2. Bà Lê Thị Thu Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền là Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Đài T, sinh năm 1989

2. *Bị đơn:* Anh Giả Tấn P, sinh năm 1984

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng:*

3.1. Ông Ngô Trương G, sinh năm 1964

3.2. Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1966

3.3. Cháu Giả Tấn S, sinh ngày 31/10/2014 (Người giám hộ cho cháu S là chị Ngô Đài T – mẹ đẻ)

Đồng địa chỉ: Thôn An L, xã Canh V, huyện V, tỉnh Bình Định.

3.4. Anh Giả Tấn Đ, sinh năm 1974

3.5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988

Đồng địa chỉ: Thôn 2, thị trấn S, huyện S1, tỉnh Kon Tum.

3.6. Anh Võ Văn V, sinh năm 1967

3.7. Chị Giả Thị Liên S, sinh năm 1976

Đồng địa chỉ: Xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

(Anh Đ và chị H có văn bản ủy quyền cho chị Giả Thị Liên S ngày 29/5/2017; Anh V có văn bản ủy quyền cho chị Giả Thị Liên S ngày 28/6/2017).

3.8. Anh Lê Xuân L, sinh năm 1971

3.9. Chị Giả Thị Liên S, sinh năm 1978 (Vắng mặt có lý do)

Đồng địa chỉ: Xã P, huyện T, tỉnh Bình Định

(Anh Lê Xuân L có văn bản ủy quyền cho chị Giả Thị Liên S ngày 28/6/2017).

3.10. Ngân hàng CSXH Việt Nam (Phòng giao dịch NHCSXH huyện V, tỉnh Bình Định). Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Kim Đ - Phó giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện V, tỉnh Bình Định.

(Ngoài việc chị Sa vắng mặt có lý do, các đương sự khác đều có mặt tại tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2017, bản tự khai ngày 17/5/2017, biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2017, qua các lần hòa giải và trong quá trình xét xử, Nguyên đơn – chị Ngô Đài T trình bày:

- Về vấn đề hôn nhân:

Chị T và anh P tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện V vào năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Tháng 8/2016, vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn vì anh P thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm đến chị và không đóng góp sinh hoạt phí cho gia đình. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, chị T đã nhờ cha mẹ hai bên khuyên giải nhưng anh P không thay đổi. Chị đã gửi đơn đến tòa ly hôn, sau đó chị đã rút đơn khởi kiện về, nhưng do mâu thuẫn vợ chồng chị ngày càng gay gắt hơn không thể hàn gắn được, chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh P. Nên chị tiếp tục làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

- Về vấn đề con chung: Chị T và anh P có một con chung tên là: Giả Tấn S, sinh ngày 31/10/2014. Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh P đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 ngôi nhà xây cấp 4 có diện tích 80,325m² được xây trên phần diện tích đất ở là 180m² đã được Nhà nước cấp Giấy chứng

nhận QSDĐ, nhà và đất này tọa lạc tại thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định. Giá trị nhà và đất theo Hội đồng định giá đã định là 309.045.000đ (Ba trăm lẻ chín triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- *Về nghĩa vụ đối với tài sản chung:* Vợ chồng chị T anh P có nợ các khoản như sau:

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V tổng số tiền vay gốc là 50.000.000đ thuộc Chương trình cho vay hộ cận nghèo mục đích chăn nuôi bò sinh sản; Con chung của chị và anh P là cháu Giả Tấn S 10 chỉ vàng y hiệu Ngọc Thiện phẩm có giá trị 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng); Vợ chồng chị Giả Thị Liên S và anh Võ Văn V số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Vợ chồng anh Giả Tấn Đ và chị Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Vợ chồng chị Giả Thị Liên S và anh Lê Xuân L số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Vợ chồng ông Ngô Trương G và bà Huỳnh Thị P số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Chị T có nguyện vọng nhận nhà và đất để có chỗ ở nuôi con theo giá Hội đồng định giá là 309.045.000đ (Ba trăm lẻ chín triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và có nghĩa vụ trả tất cả các khoản nợ chung của vợ chồng với tổng số tiền là 143.000.000đ (Một trăm bốn mươi ba triệu đồng), khoản nợ này được trừ vào khối tài sản chung. Chị T có nghĩa vụ hoàn lại 1/2 giá trị nhà và đất cho anh P.

Ngoài ra, chị T có yêu cầu được quyền quản lý tài sản riêng của cháu S đến lúc cháu S đủ tuổi trưởng thành.

*** *Tại bản tự khai ngày 22/5/2017, các lần hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Giả Tấn P trình bày:***

- *Về vấn đề hôn nhân:* Anh thống nhất như lời trình bày của chị T là sau khi tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã C, huyện V. Trong thời gian sống chung, vợ chồng anh không hợp nhau, không cùng quan điểm sống nên giữa anh và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh và chị T không còn tình cảm gì với nhau nữa, nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- *Về vấn đề con chung, nghĩa vụ trả các khoản nợ chung và giao quyền quản lý tài sản riêng của con:* Anh P đều thống nhất như lời trình bày của chị T.

- *Về tài sản chung:* Anh P cũng thống nhất như lời trình bày của chị T về số lượng tài sản chung của vợ chồng. Nhưng về giá trị nhà và đất thì anh không thống nhất theo giá mà Hội đồng đã định giá là 309.045.000đ (Ba trăm lẻ chín triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) mà anh P tự đưa ra giá trị nhà và đất là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), nếu chị T không chịu nhận nhà và đất theo giá mà anh P đưa ra thì anh P nhận nhà, đất và có nghĩa vụ trả tất cả các khoản nợ chung và hoàn lại ½ giá trị tài sản chung cho chị T. Ngoài ra, anh P cũng không thống nhất mức đóng góp nuôi con 1.000.000đ/tháng, vì hiện nay anh đang hưởng trợ cấp thất nghiệp chưa có việc làm ổn định nên anh chỉ đóng góp nuôi con số tiền 700.000đ/tháng.

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu độc lập tham gia tố tụng tại Tòa:**

Phòng giao dịch NHCSXH huyện V, Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Kim Đ trình bày:

Vợ chồng anh P, chị T có vay nợ của Ngân hàng CSXH huyện V hai lần với tổng số tiền nợ gốc là 50.000.000đ, thuộc chương trình cho vay chăn nuôi bò sinh sản. Do chưa đến hạn trả nợ nên Ngân hàng không yêu cầu đòi nợ độc lập đối với vợ chồng anh P, chị T. Nay vợ chồng anh P, chị T ly hôn, được sự ủy quyền của Tổng Giám đốc NHCSXH Việt Nam, anh Đ yêu cầu Tòa giải quyết người nào được quyền sở hữu, sử dụng tài sản chung của vợ chồng và tài sản hình thành từ vốn vay thì người đó có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng CSXH huyện V khi đến hạn.

Chị Giả Thị Liên S trình bày:

Vào khoảng tháng 10 năm 2016, vợ chồng hai em P và T đang xây nhà thiếu tiền nên có mượn vợ chồng chị số tiền 15.000.000đ (hỏi mượn miệng không có giấy tờ) đến nay chưa trả. Nay hai em P và T ly hôn, chị S yêu cầu ai được Tòa giao tài sản chung của vợ chồng thì người đó có nghĩa vụ trả khoản nợ trên cho vợ chồng chị.

Chị Giả Thị Liên S trình bày:

Vào khoảng tháng 8 năm 2015, vợ chồng hai em P và T có mượn vợ chồng chị số tiền 30.000.000đ, đến tháng 02/2016, vợ chồng em P, T đã trả cho vợ chồng chị số tiền 20.000.000đ, còn nợ lại 10.000.000đ. Nay hai em P và T ly hôn, chị S yêu cầu ai được Tòa giao tài sản chung của vợ chồng thì người đó có nghĩa vụ trả khoản nợ trên cho vợ chồng chị.

Vợ chồng anh Giả Tấn Đ và chị Nguyễn Thị H ủy quyền cho chị Giả Thị Liên S trình bày:

Vợ chồng hai em P và T có mượn vợ chồng anh Đ chị H số tiền 5.000.000đ về xây nhà đến nay chưa trả. Chị S được sự ủy quyền của anh Đ, chị H tham gia tố tụng trong vụ án yêu cầu ai được Tòa giao tài sản chung của vợ chồng thì người đó có nghĩa vụ trả khoản nợ trên cho vợ chồng anh Đ, chị H.

Ông Ngô Trương G trình bày:

Trong thời gian vợ chồng P, T xây nhà có mượn vợ chồng ông số tiền 20.000.000đ và tiền chi phí ăn uống cho công thợ số tiền 10.000.000đ. Tổng cộng nợ là 30.000.000đ, nay ông G yêu cầu ai được Tòa giao tài sản chung của vợ chồng thì người đó có nghĩa vụ trả khoản nợ trên cho vợ chồng ông.

Bà Huỳnh Thị P trình bày: Bà thống nhất như lời trình bày của chồng bà là ông G.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết án và về thủ tục tố tụng tại Tòa:**

- Về việc tuân thủ pháp luật về tổ tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện và tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX như sau:

+ Về hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn của chị Ngô Đài T và anh Giả Tấn P là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật;

+ Về con chung: Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật HNGĐ đề nghị giao cháu Giả Tấn S sinh ngày 31/10/2014) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật và khả năng thực tế của anh P để ra mức cấp dưỡng phù hợp cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Đề nghị HĐXX xem xét giao cho chị Ngô Đài T là trực tiếp nuôi dưỡng cháu S được quản lý nhà và đất đồng thời người chị T phải hoàn lại ½ giá trị ngôi nhà và đất cho anh P.

+ Về nợ chung: Chị T và anh P có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về nghĩa vụ trả nợ. Nên đề nghị HĐXX tuyên nếu chị T nhận nhà và đất thì chị T có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ và được khấu trừ vào tài sản chung là ngôi nhà và đất theo giá của HĐG.

+ Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật mà các đương sự yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 01 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2]. Về hôn nhân: Chị Ngô Đài T và anh Giả Tấn P có tìm hiểu và tự nguyện đến UBND xã C đăng ký kết hôn ngày 30/12/2013. Theo quy định tại Điều 8 và khoản 01 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015. Đây là hôn nhân hợp pháp, nhưng trong quá trình chung sống, chị T và anh P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên Chị T và anh P đồng thuận tình ly hôn.

[3]. Về con chung: Chị T và anh P có 01 người con tên Giả Tấn S, sinh ngày 31/10/2014 hiện nay cháu S đang ở cùng chị T. Chị T và anh P cùng thỏa thuận giao con cho chị T nuôi dưỡng.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh P không thỏa thuận được mức đóng góp nuôi con. Chị Thư yêu cầu anh P phải đóng góp nuôi con 1.000.000đ/tháng. Anh P chỉ chấp nhận đóng góp nuôi con 700.000đ/tháng, vì anh P cho rằng hiện nay anh chưa tìm được việc làm, đang hưởng trợ cấp thôi việc nên anh không đủ khả năng đóng góp nuôi con theo yêu cầu của chị T. Mặc dù anh P đưa ra lý do hiện nay không có việc làm, hưởng tiền trợ cấp thôi việc thấp không đủ khả năng đóng góp nuôi con

1.000.000đ/tháng, nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên Tòa, anh P không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho việc anh không có khả năng đóng góp nuôi con theo yêu cầu của chị T. Mặt khác, theo nhu cầu chăm sóc trẻ hiện nay thì việc đóng góp nuôi con số tiền 1.000.000đ/tháng là không lớn với khả năng của anh P. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T.

[5]. Về chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung: Căn cứ khoản 1 Điều 38, khoản 1,3 Điều 59; Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 466 BLDS năm 2005.

Vợ chồng chị T và anh P chỉ có 01 ngôi nhà xây cấp 4 với diện tích là 80,325m² được xây trên diện tích 180m² đất ở nông thôn thuộc thửa đất số 946, tờ bản đồ 16, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 625808 ngày 12/5/2016. Tọa lạc tại thôn A, xã C, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định. Có giá trị theo biên bản định giá của HĐĐG là 309.045.000đ (Ba trăm lẻ chín triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Anh P không đồng ý giá của HĐĐG nhưng anh cũng không yêu cầu Tòa định giá lại tài sản mà anh tự đưa ra giá nhà và đất là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Chị T chỉ chấp nhận giá trị nhà và đất theo HĐĐG là 309.045.000đ và chị hoàn lại ½ giá trị tài sản cho anh P. Anh P ưu tiên giao nhà và đất cho chị T ở nuôi con nhưng với giá nhà và đất là 400.000.000đ, chị T phải hoàn lại cho anh ½ giá trị chênh lệch về tài sản; nếu chị T không đồng ý với giá trị tài sản mà anh đưa ra thì anh nhận tài sản và hoàn lại ½ giá trị chênh lệch về tài sản cho chị T.

Tòa thấy rằng: Anh P và chị T cả hai đều có nguyện vọng nhận tài sản để sử dụng là chính đáng. Tuy nhiên, hiện nay chị T còn phải nuôi con nhỏ, cần có nơi ở ổn định cho con nên giao cho chị T được quyền sở hữu, sử dụng nhà và đất theo giá trị tài sản là 400.000.000đ mà anh P đưa ra là phù hợp. Chị T phải hoàn lại ½ giá trị chênh lệch về tài sản được chia cho anh P.

Về nghĩa vụ trả nợ chung: Tổng các khoản nợ chung của anh P và chị T là 143.000.000đ. Chị T và anh P đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về tài sản và nghĩa vụ trả nợ. Chị T được giao tài sản chung nên chị T có nghĩa vụ trả các khoản nợ chung và được khấu trừ vào khối tài sản chung của vợ chồng.

[6]. Về tài sản riêng của con là cháu Giả Tấn S: Tài sản của cháu S là 33.000.000đ. Vì cháu S dưới 15 tuổi, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu S nên giao cho chị T quản lý tài sản của cháu S là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 76 Luật Hôn Nhân và Gia Đình.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh về hôn nhân; giao quyền nuôi con chung; cấp dưỡng nuôi con; giao quyền tài sản chung; nghĩa vụ trả nợ chung và về án phí đều phù hợp với quy định của pháp luật.

Nhưng về phần giao tài sản nhà và đất cho chị T theo giá HĐĐG là không phù hợp. Tuy anh P tự đưa ra giá nhà và đất là 400.000.000đ, nhưng anh P không ép chị T phải lấy nhà và đất theo giá anh đưa ra mà anh thỏa thuận nếu chị T không đồng ý với giá mà anh đưa ra thì anh sẽ nhận tài sản với giá 400.000.000đ và hoàn lại ½ giá

trị tài sản cho chị T, vì anh P cũng có nhu cầu nhận tài sản để sử dụng. Do đó, HĐXX không chấp nhận đề nghị của VKS về việc giao nhà và đất cho chị Thu theo giá của HĐĐG.

[8]. Về án phí HNST và DSST: Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a, b, e khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết.

Án phí HNST là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí DSST là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Chị Ngô Đài T phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng được chia. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 8.019.000đ. Chị T còn phải nộp 2.056.000đ (Hai triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Giả Tấn P phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng); tiền án phí dân sự sơ thẩm về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng được chia là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[9]. Về chi phí tố tụng khác: Tổng chi phí định giá tài sản là: 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Căn cứ khoản 02 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự: Anh P và chị T mỗi người phải chịu 1.000.000đ tiền chi phí định giá tài sản. Chị T đã tạm ứng chi phí xong, anh P phải có nghĩa vụ hoàn lại cho chị T tiền chi phí định giá tài sản là 1.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 38, khoản 1,3 Điều 59; Điều 60 và khoản 2 Điều 76 Luật Hôn Nhân và Gia Đình; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Đài T và anh Giả Tấn P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là Giả Tấn S, sinh ngày 31/10/2014 cho chị Ngô Đài T nuôi dưỡng.

2.2. Anh Giả Tấn P phải đóng góp nuôi con với chị T số tiền là 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Sang thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu.

3. Về chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung:

3.1. Giao cho chị Ngô Đài T được quyền sở hữu, sử dụng một ngôi nhà xây cấp 4, diện tích xây dựng 80,325m² và quản lý sử dụng diện tích 180m² đất có nhà ở nông thôn thuộc thửa đất số 946, tờ bản đồ 16, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 625808 ngày 12/5/2016; tọa lạc tại thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định có giá trị 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); và giao cho chị T quyền quản lý tài sản riêng của con là cháu Giả Tấn S số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) cho đến khi con đủ 15 tuổi.

3.2. Chị Ngô Đài T có nghĩa vụ trả các khoản nợ chung như sau:

- Ngân hàng chính sách xã hội huyện V số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tương ứng khi đến hạn trả nợ;
- Vợ chồng ông Ngô Trương G và bà Huỳnh Thị P, ở thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);
- Vợ chồng anh Giả Tấn Đ và chị Nguyễn Thị H, ở thôn 2, thị trấn S, huyện S1, tỉnh Kon Tum số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
- Vợ chồng chị Giả Thị Liên S và anh Võ Văn V ở xã P, huyện T, tỉnh Bình Định số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng);
- Vợ chồng chị Giả Thị Liên S và anh Lê Xuân L ở xã P, huyện T, tỉnh Bình Định số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng);
- Cháu Giả Tấn S, sinh ngày 31/10/2014 (Người giám hộ cho cháu S là chị Ngô Đài T mẹ đẻ) số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng).

3.3. Chị Ngô Đài T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Giả Tấn P phần chênh lệch về tài sản chung được chia số tiền là: 128.500.000đ (Một trăm hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a, b, e khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Ngô Đài T phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng được chia. Được trừ vào tiền

tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 8.019.000đ. Chị T còn phải nộp 2.056.000đ (Hai triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Giả Tấn P phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng); tiền án phí dân sự sơ thẩm về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng được chia là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về chi phí tố tụng khác: Tổng chi phí định giá tài sản là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Căn cứ khoản 01 Điều 166 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Chị Ngô Đài T và anh Giả Tấn P mỗi người phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng). Chị T đã tạm ứng chi phí xong, anh P phải hoàn trả lại cho chị T số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Những người tham gia tố tụng trong vụ án có quyền kháng cáo bản án hôn nhân sơ thẩm lên Tòa án cấp trên trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Phòng NV-THA. TAND T.Bình Định;
- VKSND Huyện. V;
- Chi cục THADS Huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Mai Phương